Nhận dạng chính sách của Nhật Bản đối với Đông Á - Thái Bình Dương

NGÔ XUÂN BÌNH

Những điều chỉnh trong chính sách chính trị và ngoại giao, sự phát triển kinh tế của Nhật Bản và chính sách can dự về kinh tế của nước này đối với Châu Á - Thái Bình Dương (nhất là khu vực Đông Á) trong những thập niên gần đây dựa trên học thuyết "đàn nhạn bay"... đã được tác giả phân tích và chứng minh trong bài viết. Về phương diện chính trị - chiến lược, tác giả nêu rõ những quyết sách của Nhật Bản đối với từng nước, từng vùng lãnh thổ và cả khu vực: Cộng hòa liên bang Nga, Trung Quốc, Mỹ, Đài Loan, CHDCND Triều Tiên, Hàn Quốc, các nước Đông Nam Á. Về phương diện kinh tế, các mối quan hệ thương mại, đầu tư trực tiếp, ODA và những ưu tiên của Nhật Bản đối với các nước thuộc khu vực này cũng được phân tích, làm rõ.

Bài viết tập trung xem xét chính sách của Nhật Bản đối với khu vực này thời kỳ sau chiến tranh lạnh và được triển khai theo 2 phương diện:

1. Phương diện chính trị-chiến lược

Thực tế cho thấy, ở phương diện này Nhật Bản nhằm tới mục tiêu chính là duy trì một môi trường an ninh có lợi cho Nhật Bản. Điều này cũng có nghĩa là có lợi cho hòa bình và ổn định ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, ở đó Nhật Bản có thể bảo vệ nền kinh tế của họ một cách tốt nhất, trên cơ sở đó tiếp tục giành vị trí chi phối ở khu vực này.

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, Nhật Bản quan tâm tới hai thế lực lớn là Liên Xô và Trung Quốc bởi họ là 2 cường quốc cộng sản mà Nhật Bản coi là cựu thù. Từ sau chiến tranh lạnh, mối quan tâm của Nhật Bản dường như chỉ dành riêng cho Trung Quốc; tất nhiên tính chất của mối quan hệ này đã thay đổi. Đó là sự thay đổi từ đối đầu về ý thức hệ sang đối thủ cạnh tranh. Nước Nga cho đến nay vẫn chưa phải là một đối thủ nặng ký với Nhật Bản ở khu vực này; tuy vậy Nhật Bản vẫn quan tâm tới Nga, bởi Nga dính líu tới vấn đề lãnh thổ của Nhật Bản. Nguy cơ xung đột liên quan đến bán đảo Triều Tiên và Đài Loan cũng là vấn đề quan tâm lớn của Nhật Bản, bởi nếu nguy cơ này bùng nổ thì Nhật Bản không thể không can dự và tình hình an ninh khu vực sẽ trở nên nguy hiểm. Đông Nam Á phát triển trong môi trường được đảm bảo an ninh cũng trở nên quan trọng đối với Nhật Bản, bởi khu vực này không những là đối tác truyền thống của Nhật Bản mà còn là nhân tố nắm giữ vai trò cân bằng cán cân quyền lực giữa các thế lực lớn ở Đông Á - Thái Bình Dương.

Như đã biết, lực lượng quân sự của Nhật Bản thuộc vào loại top 5 của thế giới. Hiện nay, họ đang tìm cách đẩy lên vị trí cao hơn. Tuy nhiên, sự chi phối của Hiến pháp nước này đã hạn chế khả năng sử dụng quân sự. Đây là điểm khác biệt với Mỹ và Trung Quốc. Nhật Bản không có cả những cuộc tập trận lớn nhằm phô trương sức mạnh quân sự, bởi vậy trong việc theo đuổi các mục tiêu chính trị chiến lược ở Đông Á - Thái Bình Dương, Nhật Bản chỉ sử dụng công cụ ngoại giao.

Ngô Xuân Bình, PGS, TS, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

Các giải pháp ngoại giao tạo dựng cho nước này duy trì những ảnh hưởng của siêu cường kinh tế trong khu vực. Đương nhiên, để đạt tới những mục tiêu trong chính sách đối với Đông Á - Thái Bình Dương, ở phương diện này Nhật Bản phải tập trung nuôi dưỡng và phát triển các quan hệ an ninh với Mỹ. Xét ở khía cạnh tổng thể, lợi ích và mục tiêu chủ yếu trong chính sách của Nhật Bản và Mỹ đối với Đông Á - Thái Bình Dương về cơ bản là thống nhất với nhau. Đương nhiên, những khác biệt vẫn tồn tại; điều này không tạo ra một trở ngại nào cho hợp tác song phương Nhật Bản và Mỹ. Đã nhiều thập kỷ nay, Nhật Bản sử dụng chiếc ô quân sự Mỹ để đảm bảo an ninh và dựa vào đó để tập trung phát triển kinh tế. Bởi vậy, khi Mỹ sử dụng sức mạnh quân sự vì một mục tiêu nào đó thì sự ủng hộ của Nhật Bản sẽ được thực thi thông qua chính sách ngoại giao.

Điều cần nhấn mạnh là, ở khu vực Đông Bắc Á, mối quan tâm chủ yếu của Nhật Bản chính là Trung Quốc. Nhật Bản, một mặt chống lại sự thống trị của Trung Quốc trong khu vực, nhưng mặt khác họ lại tìm kiếm sự hợp tác với nước này. Thực chất của chính sách đó là vừa hợp tác vừa kiềm chế Trung Quốc. Và chắc chắn Trung Quốc cũng làm như vậy đối với Nhật Bản. Thực tế cho thấy, Nhật Bản liên minh chặt chẽ với Mỹ để theo đuổi mục tiêu này. Nhật Bản cũng chủ trương giữ nguyên hiện trạng vấn đề Đài Loan bởi như vậy sẽ có lợi cho Nhật Bản và đảm bảo an ninh khu vực Đông Á. Do vậy, chính sách của Nhật Bản đối với Trung Quốc là phát triển quan hệ toàn diện với nước này một cách chính thức, đồng thời mở rộng các quan hệ với Đài Loan một cách không chính thức và không ủng hộ việc Đài Loan đòi độc lập.

An ninh trên bán đảo Triều Tiên đã trở thành mối quan tâm thường trực của Nhật Bản. Như đã biết, cả hai quốc gia trên bán đảo này đều có duyên nợ với Nhật Bản. Trong quá khứ, cả hai đều là thuộc địa của Nhật Bản, cho nên những hiềm khích của quá khứ đã làm cho quan hệ của Nhật Bản với 2 quốc gia này nhiều lúc trở nên khó khăn, nhất là với phía bắc. Vấn đề trở nên kịch tính hơn là việc CHDCND Triều Tiên tuyên bố có vũ khí hạt nhân. Điều này buộc Nhật Bản phải điều chỉnh chiến lược phòng thủ và nỗ lực hơn trong hợp tác đa phương để giải quyết. Vòng đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên được coi là phương thức tốt nhất để giải quyết những vướng mắc với nước láng giềng này. Nhật Bản chủ trương xúc tiến bình thường hóa quan hệ với Bình Nhưỡng, đồng thời với giải quyết vấn đề người Nhật bị bắt cóc và ủng hộ tiến trình thương lượng giải quyết hòa bình vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Với quan điểm tiếp cận là đảm bảo an ninh khu vực, Hàn Quốc đã ủng hộ Nhật Bản trong những nỗ lực của nước này nhằm giải quyết vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên; cho dù nhiều lúc họ vẫn chỉ trích mạnh mẽ thái độ của Nhật Bản đối với quá khứ chiến tranh. Chính sách của Nhật Bản đối với Hàn Quốc là củng cố các quan hệ đối tác truyền thống, chia sẻ những đồng thuận và kiềm chế những bất đồng, nhất là đối với các vấn đề liên quan tới lợi ích an ninh và chính trị.

Cho đến nay, mối quan tâm chủ yếu của Nhật Bản đối với Liên Bang Nga vẫn là vấn đề tranh chấp lãnh thổ ở phía bắc Nhật Bản. Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đã làm cho Nhật Bản bị mất 4 hòn đảo ở phía bắc Hokkaido vào tay Liên Xô trước đây. Bởi vậy, đòi hỏi về chủ quyền lãnh thổ luôn là một nội dung nổi cộm trong chính sách của Nhật Bản đối với Liên bang Nga. Đã nhiều thập kỷ qua bằng con đường ngoại giao, Nhật Bản tìm các xử lý vấn đề này, song vẫn chưa có kết quả. Như vậy, nếu trước đây Nhật Bản quan tâm tới sự đe dọa của Liên Xô và đòi chủ quyền lãnh thổ ở các hòn đảo phía bắc thì hiện nay mối quan tâm của họ chỉ là chủ quyền lãnh thổ. Không biết bao giờ thì giải quyết được, song đây là chủ đề thường trực trong các cuộc gặp song phương Nga - Nhật trong tương lai. Như vậy

có thể nói, trong quan hệ với Liên bang Nga ở phương diện chính trị chiến lược, mục tiêu cần đạt tới của Nhật Bản là đạt tới giành lại chủ quyền lãnh thổ, tức là yếu tố gắn với địa chính trị. Các nhà hoạch định chính sách đối ngoại của Nhật Bản thừa hiểu rằng ảnh hưởng của Liên bang Nga ở Đông Á - Thái Bình Dương chưa lớn bởi một mặt do thực lực của Nga, nhất là về kinh tế còn có khoảng cách xa so với Nhật Bản và Mỹ và mặt khác Liên bang Nga đang ở trong thời kỳ chuyển đổi, đang phải tập trung giải quyết các vấn đề đối nội nhiều hơn. Cách đây khoảng một thập kỷ, đồng thời với việc chuyển đổi sang kinh tế thị trường, Nga đã điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng cân bằng Đông - Tây; đây là một bước chuyển mới trong chính sách đối ngoại của Nga, song ảnh hưởng của nước này ở Đông Á - Thái Bình Dương chưa lớn và chưa trở thành một thách thức đối với Nhật Bản. Do đó trong một, hai thập niên tới, trọng tâm của Nhật Bản trong chính sách đối với Liên bang Nga vẫn là giải quyết vấn đề chủ quyền lãnh thổ.

Với Đông Nam Á, Nhật Bản có nhiều can dự xét cả ở khía cạnh lịch sử và hiện tại. Những hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai là trở ngại chính đối với chính sách ngoại giao sau chiến tranh của Nhật Bản, song điều đó dần dần được vượt qua. Không phải các nước này dễ quên quá khứ chiến tranh, nhưng hậu quả mà người Nhật Bản để lại ở khu vực này người ta không cảm thấy nặng nề như đối với Trung Quốc và Hàn Quốc; bên cạnh đó nhu cầu vốn và công nghệ từ Nhật Bản trở thành mục tiêu của các nước ASEAN (nhóm 5 nước ban đầu); bởi vậy khi Nhật Bản thực thi chính sách ngoại giao kinh tế đã nhận được sự ủng hộ tích cực của ASEAN. Tuy nhiên, một thập niên qua, ASEAN còn đóng vai trò cầu nối cho Nhật Bản thực hiện chính sách ngoại giao thân thiện với các nước Đông Bắc Á. Và hiện nay khối này được cả Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc coi là người cầm lái cho con tàu Đông Á trên con đường tiến tới cộng đồng Đông Á. Như đã biết, cả Nhật Bản và Trung Quốc đều ủng hộ liên kết Đông Á dưới các mức độ khác nhau, tuy không nói ra, song cả hai đều hiểu họ muốn có vai trò đầu tàu, mà nếu thảo luận trực tiếp theo kiểu "đối mặt" thì sẽ rất khó khăn. Bởi vậy, thông qua ASEAN để bàn thảo là con đường hợp lý nhất. Có thể nói gia tăng quan hệ toàn diện với ASEAN, coi khối này như một đối tác quan trọng của Nhật Bản là một đặc điểm nổi trội trong chính sách Đông Á - Thái Bình Dương của nước này. ASEAN 6 là đối tác truyền thống, Nhật Bản tiếp tục phát triển sâu quan hệ với họ theo hướng phát triển toàn diện và bền vững các quan hệ song phương; còn ASEAN 4 (Việt Nam, Lào, Cămpuchia, Mianma) là đối tác mới, Nhật Bản ưu tiên trợ giúp kinh tế. Các dự án về hợp tác kinh tế tiểu vùng và phát triển hạ tầng cơ sở được Nhật Bản chú trọng giúp đỡ. Ở khía cạnh chính trị chiến lược, đáng chú ý là việc Nhật Bản cùng Việt Nam ký tuyên bố chung xây dựng đối tác chiến lược (cuối năm 2006). Sự kiện này đánh dấu một sự thay đổi mới trong chính sách của Nhật Bản đối với ASEAN. Nó chứng tỏ quan tâm chính trị của Nhật Bản nhằm tạo ra một diện mạo mới, một chất lượng mới trong quan hệ song phương với khu vực này. Vấn đề đặt ra ở đây là cả Nhật Bản và Việt Nam cần phải xác định nội hàm khái niệm "đối tác chiến lược" và liệu Nhật Bản có nhân rộng cách làm này ra cả khối ASEAN không? Ở phương diện này Nhật Bản đã đi sau Trung Quốc bởi trước đó Trung Quốc đã ký hiệp định đối tác chiến lược với cả ASEAN.

Như đã đề cập ở trên, chiến tranh lạnh kết thúc đã tạo thêm cơ hội cho Nhật Bản gia tăng ảnh hưởng mạnh hơn tới Đông Á - Thái Bình Dương trong phương diện chính trị - chiến lược. Đồng thời với chính sách ưu tiên cho quan hệ Nhật Bản - Mỹ, chú trọng nhiều hơn đến an ninh Đông Bắc Á và liên kết chặt chẽ với ASEAN, Nhật Bản là một trong những thế lực chủ yếu của diễn đàn APEC. Với vai trò của mình, Nhật Bản tích

cực ủng hộ cuộc gặp thượng đỉnh hàng năm giữa các nhà lãnh đạo APEC từ năm 1993. Đáng lưu ý, Nhật Bản vừa là người ủng hộ, vừa là thành viên giữ vai trò lãnh đạo trong việc thiết lập diễn đàn an ninh khu vực ARF (1994). Những sáng kiến của Nhật Bản trong việc ủng hộ đối thoại đa phương như giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên, ASEAN + 3, ASEAN + 1 và diễn đàn thượng đỉnh Đông Á, cho thấy những chuyển biến trong chính sách của Nhật Bản đối với Đông Á - Thái Bình Dương theo hướng tích cực và có động cơ rõ rệt. Đây là một nét mới trong điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nhật Bản thời kỳ hậu chiến tranh lạnh. Cần phải nhấn mạnh rằng sự nổi lên của một nước Trung Quốc mới và sự bận tâm của Mỹ đối với chủ nghĩa khủng bố sau sự kiện 11-9-2001, cũng như tình hình nhạy cảm trên bán đảo Triều Tiên đã tạo cơ hội cho họ trong việc điều chỉnh chính sách đối với khu vực này.

2. Phương diện kinh tế

Sự gia tăng ảnh hưởng kinh tế của Nhật Bản ở Đông Á - Thái Bình Dương làm cho người ta liên tưởng tới hai hình ảnh cách nhau hơn nửa thế kỷ. Đó là sự thất bại của Nhật Bản trong nỗ lực xây dựng khối thịnh vượng Đại Đông Á vào đầu những năm 1940 và một Nhật Bản chiếm giữ một vị trí lãnh đạo trong hợp tác kinh tế Đông Á - Thái Bình Dương ngày hôm nay. Và rồi đến một ngày nào đó khi Đông Á trở thành một cộng đồng, ở đó Nhật Bản sẽ là một đầu tàu không thể thiếu và giấc mơ của hơn nửa thế kỷ trước của người Nhật sẽ trở thành hiện thực.

Rõ ràng là sự phát triển kinh tế của Nhật Bản và chính sách can dự về kinh tế của nước này đối với Châu Á - Thái Bình Dương, nhất là khu vực Đông Á trong những thập niên gần đây là dựa trên học thuyết "đàn nhạn bay" như đã biết. Dựa vào học thuyết này, Nhật Bản đã khai thác ưu thế về thị trường và tài nguyên của các nước Đông Nam Á, đồng thời các nước Đông Nam Á dựa vào vốn và công nghệ của Nhật Bản để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa. Chính sự vận động "nhịp nhàng" của cung và cầu từ hai phía đã tạo ra tác động tương hỗ thúc đẩy Nhật Bản mở rộng ảnh hưởng kinh tế ra toàn khu vực. Điều cần nhấn mạnh là sự đồng nhất về mô hình kinh tế thị trường ở Đông Á - Thái Bình Dương trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa gia tăng đã góp phần thúc đẩy các "giá trị kinh tế" Nhật Bản lan tỏa một cách ngoạn mục.

Trong quan hệ thương mại, người ta nhìn thấy mối quan hệ tay ba, Nhật Bản - Đông Nam Á và Mỹ. Nhật Bản và Mỹ xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng công nghệ cao sang các nước Đông Nam Á (chủ yếu là các nước ASEAN) và các nước này xuất khẩu hàng chế tạo có hàm lượng lao động cao và nông sản vào thị trường Nhật Bản và Mỹ. Nhật Bản đã nhiều năm liên tục có thặng dư thương mại với các nước ASEAN và Mỹ; trong khi đó Mỹ trở thành nước nhập siêu lớn từ Nhật Bản, Trung Quốc và một số nước ASEAN. Thực tế cho thấy, duy trì thặng dư thương mại với các nước Đông Á - Thái Bình Dương vừa là một lợi thế vừa là một mục tiêu trong chính sách thương mại quốc tế của nước này nhằm mở rộng ảnh hưởng quốc tế của Nhật Bản ra toàn khu vực.

BẢNG 1: **Thương mại quốc tế của Nhật Bản với một số đối tác chính ở Đông Á - Thái Bình Dương năm 2004 (%)**

Nước	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Mỹ	22,5	13,7
Trung Quốc	13,1	21,7
Hồng Kông	6,3	0,4
Đài Loan	7,4	3,7
Hàn Quốc	7,8	4,8
Xingapo	3,2	1,4
Thái Lan	3,6	3,1
Malaixia	2,2	3,1
Indônêxia	1,6	4,1
Philippin	1,7	1,8
Australia	2,1	4,3
Đông Á	46,9	43,1
ASEAN	12,9	14,8
ASEAN 4	9,1	12,1
NIEs Châu Á	24,7	10,3

Nguồn: JETRO, www.jetro.go.jp/en/stats/stastics.

Đầu tư trực tiếp cũng là một công cụ trọng yếu để Nhật Bản gia tăng ảnh hưởng tại khu vực Đông Á - Thái Bình Dương. Thống kê chính thức của nước này cho thấy, trong thập niên 1990, luồng đầu tư trực tiếp của Nhật Bản đổ vào thị trường Mỹ là chính, có tới 40% tổng FDI của Nhật Bản được thực hiện ở Mỹ, 20% vào Đông Á và xấp xỉ 20% vào Liên minh châu Âu (EU), Mỹ là địa bàn số 1 của Nhật Bản về FDI và việc Nhật Bản gia tăng FDI vào đây là nhằm thực thi chính sách xuất khẩu tại chỗ; cách làm này vừa giảm chi phí vận tải, vừa vượt qua rào cản hải quan của nước sở tại dễ dàng hơn và điều quan trọng là giảm bớt nhập khẩu từ Mỹ. Đây không phải là một nét mới trong chính sách thương mại quốc tế Đông Á - Thái Bình Dương của Nhật Bản, mà đây là một đặc điểm xuyên suốt trong chính sách thương mại quốc tế của nước này và nó trở nên cần thiết hơn trong bối cảnh Nhật Bản đang có thặng dư lớn với Mỹ. Chiến lược đầu tư của Nhật Bản vào Đông Á cũng tương tự như vậy. Tuy nhiên ở đây, Nhật Bản còn nhằm mục tiêu "tái nhập khẩu"[4] từ Đông Á, bởi những sản phẩm của công nghiệp chế tạo được sản xuất ở Đông Á có chi phí rẻ (trừ Xingapo và Hàn Quốc) được xuất khẩu vào Nhật Bản sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh về giá cho các doanh nghiệp Nhật Bản ngay trên thị trường nội địa. Dường như nhiều nước Đông Á cảm thấy hài lòng về chiến lược xuất khẩu "công nghệ bậc 2" thông qua đầu tư trực tiếp từ Nhật Bản bởi xét theo phương diện marketing, thì chu kỳ sống của công nghệ này không còn tồn tại ở Nhật Bản, nhưng lại hồi sinh tại thị trường mới. Công bằng mà xét, thì công nghệ này phù hợp với trình độ và nhu cầu của các nước đang trong tiến trình công nghiệp hóa, bởi vậy không có lý do gì để phàn nàn. Tất nhiên, công nghệ nguồn hay công nghệ cao cũng được các nước này quan tâm. Để có công nghệ cao từ Nhật Bản, các nước Đông Á, nhất là các nước thuộc tốp "công nghiệp hóa muộn" (late comer) cần có những chính sách thích hợp để thu hút các nhà đầu tư Nhật Bản. Nhiều nhà phân tích cho rằng, rất khó khai thác công nghệ cao cấp từ Nhật Bản, bởi nước này dường như vẫn theo đuổi lý thuyết đàn nhạn bay ở trong chương trình chuyển giao công nghệ thông qua đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.

BẢNG 2: **Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Nhật Bản, 2004**

Đơn vị tính: triệu USD

Hà Lan	8085	Australia	1845	NIEs Châu Á	2678
Hồng Kông	4677	Anh	1789	ASEAN 4	1938
Trung Quốc	4567	Panama	1282	ASEAN 5	2652
Quần đảo Cayman	3947	Thái Lan	1184	Đông Á	9291

Nguồn: JETRO, www.jetro.go.jp/en/stats/stastics.

Như đã nói ở trên, Nhật Bản là nước giữ vị trí thứ hai sau Mỹ về tài trợ ODA. Chính sách ODA của Nhật Bản là một bộ phận và là một công cụ quan trọng trong chính sách đối ngoại của họ. Xem xét sự tiến triển của ODA của Nhật Bản trong thập niên qua, chúng ta nhận thấy rằng, những ưu tiên đã được dành cho Đông Á. Trung Quốc và các nước Đông Nam Á là những quốc gia nhận được nhiều ODA nhất. Sự ưu tiên của Nhật Bản đối với các quốc gia này trước hết xuất phát từ lợi ích của Nhật Bản, bởi ODA giữ vai trò "mở đường" và tạo "cử chỉ thân thiện", để sau đó là xúc tiến thương mại và đầu tư trực tiếp; đồng thời đây là khu vực quan trọng hàng đầu đối với Nhật Bản. Người ta thấy, trong tổ chức OECD chỉ có Nhật Bản và Mỹ là hai cường quốc sử dụng

đồng thời cả 3 công cụ ODA, thương mại và đầu tư trực tiếp một cách nhịp nhàng và có hiệu quả để mở rộng ảnh hưởng, cũng như tìm kiếm các cơ hội cho giới kinh doanh của các nước này. Và họ cũng là hai quốc gia thành công nhất trong vấn đề này.

BẢNG 3: **10 nước nhận ODA lớn nhất từ Nhật Bản**

Đơn vị tính: triệu USD, năm 2003

Trung Quốc	1297	Thái Lan	651	Srilanka	249
Inđônêxia	891	Việt Nam	452	Malaixia	187
Philipin	810	Pakistan	284	Tổng ODA	8880
Ấn Độ	768	Bănglađet	262		

Nguồn: OECD statistics 2005

Có thể nhấn mạnh rằng, xét trên cả 2 phương diện chính trị - chiến lược và kinh tế, Nhật Bản là một thế lực hùng mạnh và ngày càng có nhiều ảnh hưởng tới khu vực này, bất chấp những thách thức đến từ Trung Quốc và Mỹ. Do những đặc thù về địa kinh tế và địa chính trị, sự dính líu của Nhật Bản tới khu vực Đông Á - Thái Bình Dương mang tính lịch sử và hệ thống. Sự thịnh vượng của Nhật Bản ngày hôm nay gắn liền với chính sách của họ đối với khu vực này. Do vậy giữ vững ổn định an ninh khu vực, tích cực tham gia đối thoại nhằm giải quyết những khác biệt, tăng cường tham gia các diễn đàn đa phương, khu vực và đẩy mạnh các quan hệ song phương nhằm tạo ra một sự kết gắn chặt chẽ hơn về lợi ích kinh tế và chính trị giữa Nhật Bản và các quốc gia trong khu vực là một đặc điểm nổi bật trong chính sách của Nhật Bản đối với Đông Á - Thái Bình Dương hiện nay. Tuy nhiên, sự nổi lên của Trung Quốc, dù muốn hay không thì đó vẫn là một thực tế phải chấp nhận. Đây là một thách thức lớn đối với thế lực Nhật Bản. Sự hợp tác của 2 nước lớn này không chỉ quan trọng đối với họ mà còn đối với cả khu vực. Nhận thức được điều đó, cả 2 nước này đang nỗ lực hợp tác, tăng cường đối thoại nhằm giảm thiểu bất đồng và cùng tìm cách gia tăng ảnh hưởng tới Đông Á - Thái Bình Dương. Đó cũng là một nét mới trong chính sách hợp tác của hai thế lực này trong bối cảnh gia tăng hội nhập Đông Á./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Steve Chan and James R. Scritt, (eds.,), (2002), Coping with Globalization: Cross - National Patterns in Domestic Governance and Policy Performance, London.

2. Millard, Mike, (eds.,), (2001), Leaving Japan: Observation on the Dysfuntional U.S. -Japan Relationship, Armonk, N.Y.: M.E. Sharpe.

3. Maharajakrishna Rasgotra, (ed.,), (2007), The New Asian Power Dynamic, New Delhi: Oberver Research Foudation.

4. Frances McCall Rosenbluth, (ed.,), (2007), The Political Economy of Japan's Low Fertility, Stanford, Calif.: Stanford University Press.

5. C. Randall Henning, (2002). East Asian Finacial Cooperation, Washington, DC: Institute for International Economics.

6. Takashi Inoguchi, (ed.,), (2002), Japan's Asian Policy: Revival and Response, New York: Palgrave Macmillan.

7. Ted Osius, (2002), The U.S. - Japan Security Alliance: Why it matters and How to Strengthen It, Westport, Conn.: Praeger.

8. Gordon H. Chang, (ed.,), (2001), Asian Americans and Politics: Perspectives, Experiences, Prospects, Washington D.C.: Woodrow Wilson Center Press.

9. Michael Wesley, (ed.,), (2007), Energy Security in Asia, New York, NY: Roulege.

10. http://www.mofa.go.jp/